TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 160/2018/DS-PT
Ngày: 12-4-2018
V/v tranh chấp: "Đòi quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Ngoan

Các Thẩm phán: Ông Phan Văn Huyện

Bà Nguyễn Thị Sâm Hương

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Ngô Phúc Thẩm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Võ Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05 và 12 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2018/TLPT-DS ngày 23/01/2018 về việc tranh chấp: "Đòi quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 131/2017/DS-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 47/2018/QĐ-PT ngày 05 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Ngô Văn D, sinh năm 1945;

2. Ngô Thị V, sinh năm 1954;

3. Ngô Thị T, sinh năm 1957;

Cùng địa chỉ: Ấp S, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của Ngô Thị V: Trần Thanh H1, sinh năm 1977 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 04/4/2018)

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà V*: Luật sư Nguyễn Văn D – Cộng tác viên Trung tâm trợ giúp pháp lý, Hội Luật gia tỉnh Tiền

Giang (có mặt).

4. Ngô Văn C, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Ấp H, xã K, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

5. Ngô Thị S, sinh năm 1949; (chết ngày 22/7/2015)

Địa chỉ: Ấp V, xã B, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- *Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà S:*

5.1 Hoàng Văn K, sinh năm 1939;

5.2 Hoàng Thị T, sinh năm 1975;

5.3 Hoàng Minh P, sinh năm 1987;

5.4 Hoàng Dũng P, sinh năm 1990;

Cùng địa chỉ: Ấp V, xã B, huyện Đ, Bà Rịa - Vũng Tàu.

6. Ngô Văn T, sinh năm 1964; (chết ngày 11/12/2015)

Địa chỉ: Ấp S, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T:*

6.1 Ngô Minh T, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Ấp S, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

6.2 Trần Thị Thúy H, sinh năm 1969 (có văn bản xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp N, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

7. Ngô Văn T, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

8. Võ Thị Thanh T1, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Tập thể Nữ Đan Viên Xito Thánh Mẫu V, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

9. Võ Thị Thanh T2, sinh năm 1969;

10. Võ Minh T, sinh năm 1983;

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre.

11. Võ Thị Kim T3, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Số 22/5 đường Lê Thị Hồng G, Phường S, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

12. Ngô Thị T, sinh năm 1961;

13. Ngô Thị T2, sinh năm 1966;

14. Ngô Thị Kim A, sinh năm 1971;

15. Ngô Công H, sinh năm 1972;

16. Ngô Thị Kim Y, sinh năm 1981;

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã Q, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người đại diện theo ủy quyền của ông D, bà Vân, bà T, ông C, ông K, chị Hoàng Thị T, anh Hoàng Minh P, anh Hoàng Dũng P, anh Ngô Minh T, chị T1, chị T2, anh Võ Minh T, chị T3, bà Ngô Thị T, bà Ngô Thị T2, chị A, anh H, chị Y*: Trần Thanh H2, sinh năm 1949 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp S, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Theo các văn bản ủy quyền ngày 28/6/2016, 25/02/2014, 24/10/2013, 25/10/2013)

- *Bị đơn:* Chị Lý Thị Tiền G, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Ấp A, xã C, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

- *Người đại diện theo ủy quyền của chị Giang*: Chị Lý Thị Anh Đ, sinh năm 1971 (có mặt);

Địa chỉ: Số 48, Đoàn Thị N, Phường N, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 15/4/2011)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Phạm Văn C, sinh năm 1973;

Địa chỉ: ấp A, xã C, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của anh C: Lý Thị Anh Đ, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Số 48, Đoàn Thị N, Phường N, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

(Theo hợp đồng ủy quyền ngày 29/4/2014)

2. Nguyễn Văn K, sinh năm 1977 (có mặt);

3. Trần Thị T, sinh năm 1982;

- *Người đại diện theo ủy quyền của chị T*: Nguyễn Văn K, sinh năm 1977;

(Theo văn bản ủy quyền ngày 21/4/2014)

Cùng địa chỉ: Ấp S, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4. Ngô Thị N, sinh năm 1939 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp S, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

5. Nguyễn Phúc L, sinh năm 1959 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp S, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

6. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ: Số 25/100 đường M, Phường B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Văn B, Chức vụ: Chủ tịch (có văn bản xin vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn ông Trần Thanh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Thanh Hải trình bày:

Vào năm 1986, mẹ của chị Lý Thị Tiền G là bà Ngô Thị N có đến hỏi bà Đặng Thị L ở nhờ trên phần đất của bà L thuộc thửa 3554, diện tích 2.621m^2, tọa lạc tại ấp S, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 02/12/1996 cho cá nhân bà Đặng Thị L. Bà L đồng ý cho bà N cất nhà ở nhờ chiều ngang 05m, chiều dài 16m trên thửa đất 3554. Khi cho ở nhờ không có làm giấy tờ mà chỉ nói miệng. Bà N cất nhà bằng cây, lợp lá, vách lá ở phía sau nhà của bà L, sau đó thì lợp tole. Đến cuối năm 2015, bà N đã dỡ nhà chuyển đi nơi khác. Vào năm 2009, bà L phát hiện chị Lý Thị Tiền G (con của bà N) được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất mà bà N ở nhờ trên đất của bà L, diện tích 391m^2. Khi đó, bà L có thưa chị G đến Ủy ban nhân dân xã P, xã hòa giải không thành mới chuyển hồ sơ đến Tòa án nhân dân huyện C giải quyết.

Ngày 15/10/2010, bà L chết, những người thừa kế của bà L hiện nay gồm có ông Ngô Văn D, bà Ngô Thị V, bà Ngô Thị T, ông Ngô Văn C, ông Ngô Văn T, bà Võ Thị Thanh T, và Võ Thị Thanh T2, ông Võ Minh T, bà Võ Thị Kim T, bà Ngô Thị T, bà Ngô Thị T2, bà Ngô Thị Kim A, ông Ngô Công H, bà Ngô Thị Kim Y, bà Trần Thị Thúy H, anh Ngô Minh T.

Nay ông đại diện cho các đồng nguyên đơn yêu cầu chị Lý Thị Tiền G trả 216,2m^2 đất, ông Nguyễn Văn K trả 175m^2 đất tọa lạc tại ấp S, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Yêu cầu trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật; Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho chị Lý Thị Tiền G và ông Nguyễn Văn K vì mẹ của ông không có chuyển nhượng đất và làm giấy tờ chuyển quyền sử dụng đất cho chị Lý Thị Tiền G.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn chị Lý Thị Anh Đ trình bày:

Vào năm 1990, mẹ của chị G là bà Ngô Thị N có hỏi mua của bà Đặng Thị L một phần đất (một liếp đất và nửa cái đìa, không có đo đạc và làm giấy tờ), tọa lạc tại ấp S, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang với giá 3,5 chỉ vàng 9999. Sau khi bán đất, bà L đóng thuế cho mẹ chị hoài nên bà L kêu mẹ của chị tách quyền sử dụng đất ra. Lúc đó có mời trưởng ấp là ông Nguyễn Văn T1 và địa chính xã là ông Nguyễn Văn T2 lên đo tách quyền sử dụng đất thì diện tích đất của mẹ chị mua thực đo là 383,4m^2 và mẹ chị để cho em gái của chị là Lý Thị Tiền G đứng tên quyền sử dụng đất. Chị G được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 21/12/1996.

Năm 2002, mẹ chị có bán cho anh Nguyễn Văn K 182m^2 nằm trong diện tích 383,4m^2 mà chị G đứng tên. Đến năm 2003, chị G làm thủ tục chuyển

nhượng quyền sử dụng đất cho anh K xong và anh K đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 14/3/2003.

Khi mẹ chị chuyển nhượng đất cho anh K thì có ông Ngô Văn T biết và có vô xác nhận cây gáo, cây dừa là của công cộng để anh K bắc cầu ra đường đi. Khi bà L chuyển quyền sử dụng đất lại cho ông Ngô Văn T thì có nhờ gia đình chị ký giáp ranh trong hồ sơ. Giấy giao kèo do vợ chồng ông T bán đất cho ông X cũng có nhờ mẹ chị ký tên giáp ranh làm chứng. Do đó, việc nguyên đơn nói chị G tự ý làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất là không đúng và nói cho gia đình chị ở nhờ trên đất là không đúng.

Nay chị không đồng đối với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn K trình bày:

Tháng 10/2002, bà N có kêu anh bán một phần đất, không có đo nhưng có cặm ranh với giá 7.500.000 đồng. Khi bà N bán đất cho anh, ông Ngô Văn T biết và xuống làm chứng từ cây gáo qua cây dừa là bờ kênh công cộng để anh bắc cầu qua đường đi công cộng. Đến năm 2003, thì anh làm thủ tục sang tên. Ngày 14/3/2003, anh được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu. Khi làm thủ tục sang tên có ông T1 và ông T2 vô đo đạc để tách quyền sử dụng đất thì diện tích là 182m^2. Sau đó, năm 2007 anh được cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì diện tích đất của anh là 188,1m^2.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn thì anh không đồng ý.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 131/2017/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng: Khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 256 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 166, 203 Luật Đất đai; Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về việc yêu cầu chị Lý Thị Tiền G trả 216,2m^2 đất (số thửa mới là 39, diện tích 210m^2), và ông Nguyễn Văn K trả 175m^2 (số thửa mới là 112, diện tích 188,1m^2), đất tọa lạc tại ấp S, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho chị Lý Thị Tiền G, số X 258121 ngày 22/5/2003 tại thửa đất số 3553 diện tích 219m^2 và anh Nguyễn Văn K số AD 459944 ngày 04/6/2007 tại thửa đất số 112 diện tích 188,1m^2.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/10/2017, đại diện ủy quyền của các đồng nguyên đơn ông Trần Thanh H2 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Trần Thanh H2 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo yêu cầu chị Lý Thị Tiền G trả cho các nguyên đơn diện tích đất là 210m^2 thuộc thửa số 39 và anh Nguyễn Văn K trả phần đất diện tích đất là 188,1m^2 thuộc thửa 112, các thửa đất tọa lạc tại ấp S, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho chị Lý Thị Tiền G và anh Nguyễn Văn K. Chị Lý Thị Anh Đ và anh Nguyễn Văn K không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông Trần Thanh H2. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Ngô Thị V trình bày: Bị đơn cho rằng phần đất chị G sử dụng có đóng thuế từ năm 1990 đến năm 1996 nhưng không có giấy tờ gì chứng minh. Theo văn bản trả lời của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C thì hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị Lý Thị Tiền G đã bị thất lạc, đồng thời Ủy ban nhân dân xã P cũng không có lưu giữ hợp đồng chuyển nhượng đất nào vào năm 1996 theo như đại diện của bị đơn trình bày nên không có cơ sở để chứng minh việc cấp giấy chứng nhận cho chị G là hợp pháp. Bà L không biết chữ và được Ủy ban nhân dân xã xác nhận bà L chỉ có thể điểm chỉ, nhưng hợp đồng chuyển nhượng vào năm 1996 lại có chữ ký của bà L. Do đó, yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, thành viên Hội đồng xét xử phúc thẩm và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung vụ án, yêu cầu kháng cáo của ông Trần Thanh H2 là không có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H2, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng cáo của ông Trần Thanh H2, lời trình bày của Luật sư, đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về tố tụng: Ông Nguyễn Phúc L, bà Ngô Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt; bà Trần Thị Thúy H, Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang có văn bản xin vắng mặt, căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2]Về nội dung vụ án: Theo đơn yêu cầu kháng cáo của ông Trần Thanh H2 yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận thấy: Ông H2 trình bày vào năm 1986, bà Đặng Thị L cho bà Ngô Thị N ở nhờ trên đất, việc cho ở nhờ chỉ nói miệng, không làm giấy tờ nên anh H2 không cung cấp được tài liệu,

chứng cứ chứng minh. Đại diện theo ủy quyền của bị đơn chị Lý Thị Tiền G là chị Lý Thị Anh Đ thì không thừa nhận việc cho ở nhờ mà cho rằng năm 1990 bà L đã chuyển nhượng đất cho bà N mẹ của chị, việc chuyển nhượng cũng chỉ nói miệng, nhưng bà L đã ký tên làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho chị G (con của bà N) nên chị G mới được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau đó chị G chuyển nhượng một phần diện tích đất cho anh K, do đó chị không đồng ý trả đất cho các nguyên đơn. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn K khẳng định việc chuyển nhượng đất giữa chị G và anh là hợp pháp nên anh cũng không đồng ý trả lại đất theo yêu cầu của nguyên đơn.

[3]Xét yêu cầu kháng cáo của đại diện theo ủy quyền các nguyên đơn ông Trần Thanh H2 là không có sơ sở bởi lẽ: Theo như hồ sơ vụ án đã thể hiện thì căn cứ để các nguyên đơn khởi kiện là bà L đứng tên trong sổ mục kê 299 lập năm 1984, thửa đất 1969 diện tích 2.621m^2 đất tọa lạc tại ấp S, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo công văn số 63/TTCN ngày 10/3/2011 của Trung tâm Công nghệ thông tin – Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cung cấp. Sau đó, đến năm 1996 chị G có nhận chuyển nhượng phần đất của bà L diện tích 352m^2 nhưng theo trả lời của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C thì hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chị Lý Thị Tiền G năm 1996 đã bị thất lạc với lý do năm 2007 chuyển đổi cơ quan. Tuy nhiên, đến ngày 25/11/1998 bà L được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và diện tích giảm còn 1.810m^2 thửa số 2257, tờ bản đồ số 01 đất tọa lạc tại ấp S, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang nhưng tại thời điểm này hộ bà L không có ai khiếu nại gì về việc diện tích bị giảm xuống là do nguyên nhân nào. Mặc khác, theo biên bản họp mặt gia đình ngày 01/12/2006 các thành viên trong hộ bà L cũng thừa nhận bà L có phần đất diện tích 1.810m^2 và thống nhất cho ông Ngô Văn T. Đồng thời nếu căn cứ theo sổ mục kê 299 thì chưa phải là căn cứ để xác nhận bà L được quyền sử dụng phần đất diện tích 2.621m^2. Do đó, cho thấy việc bà L có chuyển nhượng cho chị G là đúng như đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày cũng như theo Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C cung cấp thông tin việc chuyển nhượng thửa đất của bà L. Năm 2003 chị G đã chuyển nhượng 182m^2 đất (theo đo đạc thực tế là 175m^2) cho anh Nguyễn Văn K và hộ anh K được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 22/5/2003 diện tích 182m^2, chị G được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 219m^2, thửa số 3553, tờ bản đồ số 1, đất tọa lạc tại ấp S, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Sau đó đến năm 2007 Ủy ban nhân dân huyện C cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 112, tờ bản đồ số 4, diện tích 188,1m^2 cho hộ anh Nguyễn Văn K đứng tên.

[4]Các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chị G trả lại diện tích đất 210m^2 thuộc thửa số 39 và anh Nguyễn Văn K trả phần đất diện tích 188,1m^2 thuộc thửa 112 và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho chị G và anh K, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm không có cung cấp thêm tài liệu gì mới chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có cơ sở. Đồng thời hiện nay

chị G và anh K cũng đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên nghĩa vụ chứng minh là của nguyên đơn về việc Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy cho chị G và anh K là không đúng. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của đại diện theo ủy quyền nguyên đơn ông Trần Thanh H2, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5]Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà V có nhiều lập luận và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm. Xét lời trình bày của Luật sư là không có cơ sở, không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Xét lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6]Về án phí: Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Thanh H2 phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 256 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 166, 203 Luật Đất đai; Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Thanh H2, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 131/2017/DS-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về việc yêu cầu chị Lý Thị Tiền G trả 216,2m^2 đất (số thửa mới là 39, diện tích 210m^2), và ông Nguyễn Văn K trả 175m^2 (số thửa mới là 112, diện tích 188,1m^2), đất tọa lạc tại ấp S, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho chị Lý Thị Tiền G, số X 258121 ngày 22/5/2003 tại thửa đất số 3553 diện tích 219m^2 và anh Nguyễn Văn K số AD 459944 ngày 04/6/2007 tại thửa đất số 112 diện tích 188,1m^2.

2. Về án phí: Ông Trần Thanh H2 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Ông H2 đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 14799 ngày 09/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang, xem như ông H2 đã nộp xong án phí phúc thẩm.

Các nguyên đơn phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông H2 đã nộp 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 11292 ngày 31/3/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự

huyện C, tỉnh Tiền Giang, xem như nguyên đơn đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự .

Tuyên án lúc 08 giờ 15 phút ngày 12 tháng 4 năm 2018 có mặt nghe tuyên án: Ông H2, chị Đ, anh K; vắng mặt chị H1, Luật sư D.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Huỳnh Văn Ngoan